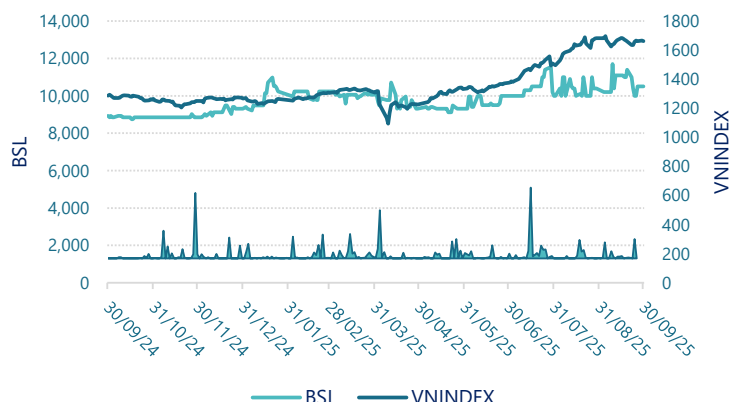


CTCP Bia Sài Gòn - Sông Lam (UPCOM: BSL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,749
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	870
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	473
P/E	15.0
EPS	702

DT thuần

Q3/25

227

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -3.7%

YoY: ▼33.0| -12.6%

LN sau thuế

Q3/25

10.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲1.13| 11.9%

YoY: ▼0.50| -4.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

6.0%

+/- YoY: ▲0.7%

DT thuần

9T 2025

635

tỷ VNĐ

YoY: ▼43.0| -6.4%

LN sau thuế

9T 2025

16.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.80| -34.8%

ROE

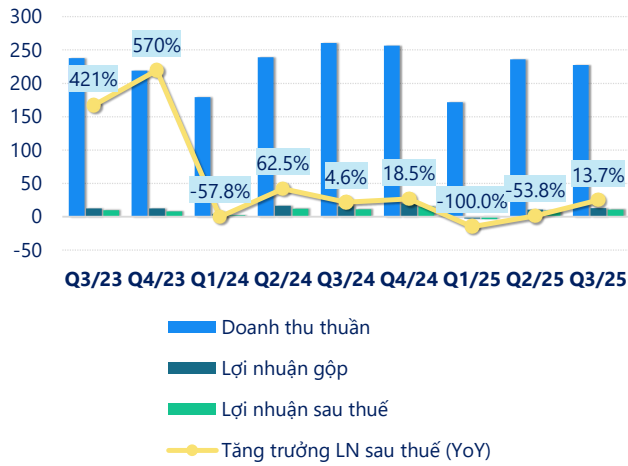
Q3/25

6.4%

+/- YoY: ▼0.3%

tỷ VNĐ

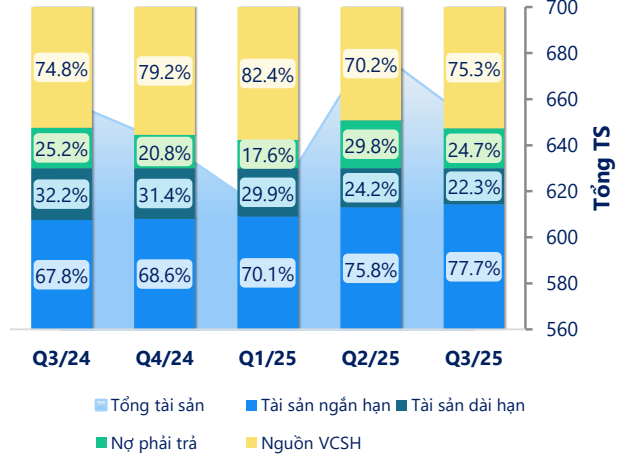
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

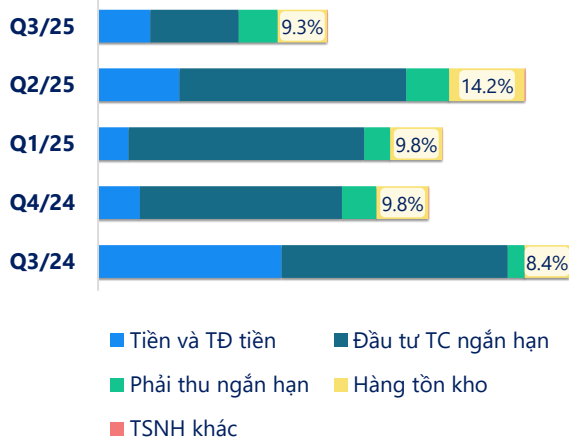
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



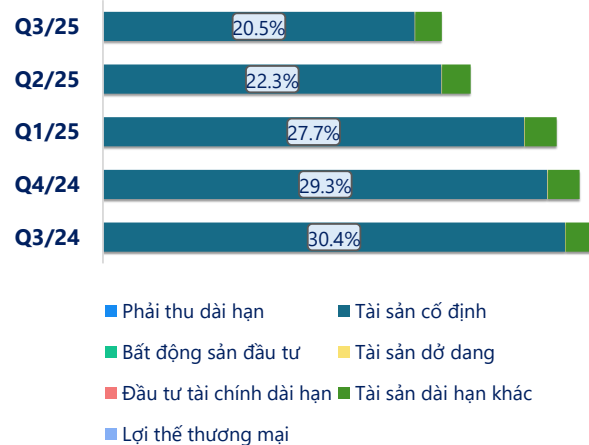
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

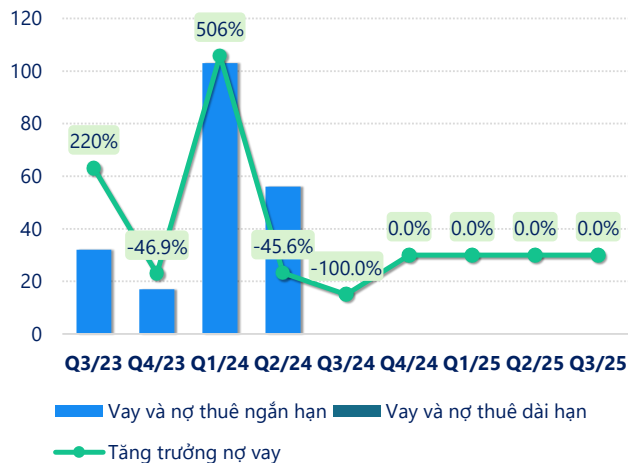
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

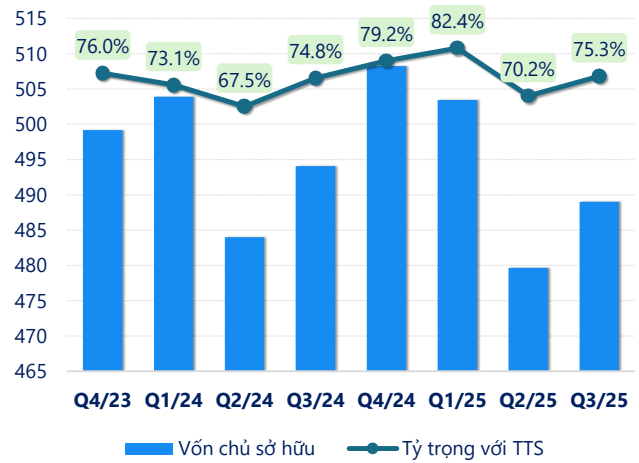
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

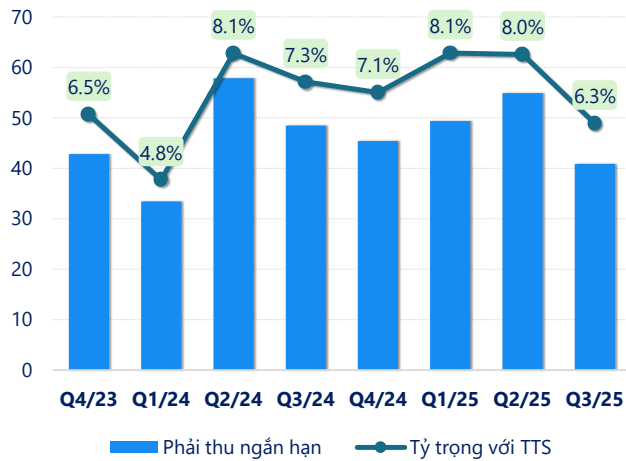
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



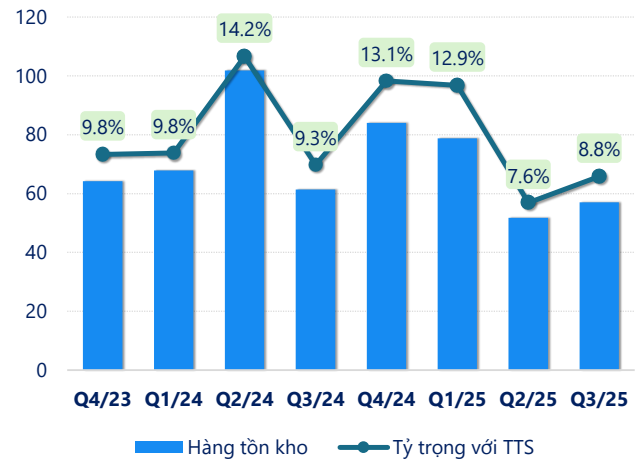
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


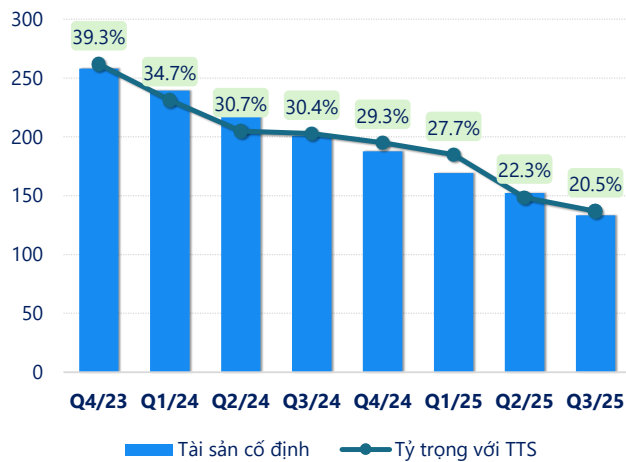
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


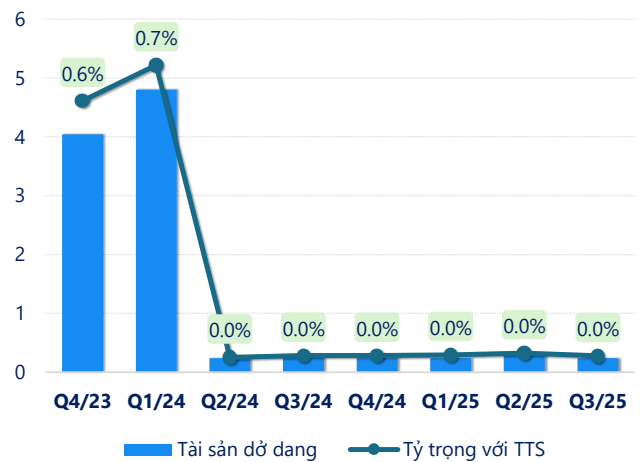
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

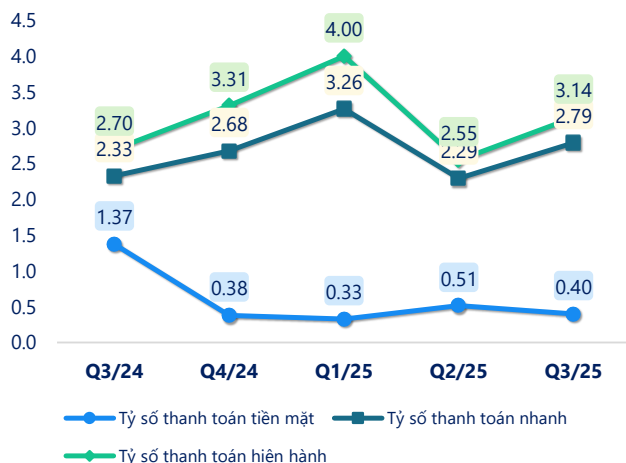
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

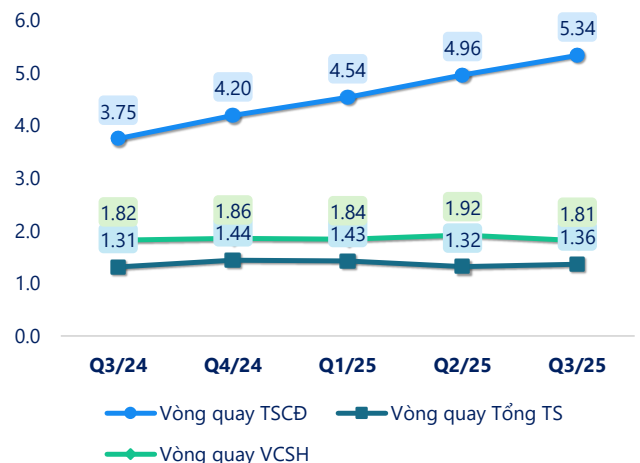
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	660	641	611	683	650
Tài sản ngắn hạn	448	440	428	518	505
Tiền và tương đương tiền	228	50.4	35.1	104	64.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110	260	265	306	343
Phải thu ngắn hạn	48.5	45.4	49.4	54.9	40.9
Hàng tồn kho	61.4	84.1	78.8	51.8	57.0
Tài sản ngắn hạn khác	0.54	0.78	0.58	0.44	0.32
Tài sản dài hạn	213	201	182	165	145
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Tài sản cố định	201	188	169	152	133
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.25	0.24	0.24	0.30	0.24
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.5	13.2	12.8	12.8	11.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	166	133	107	203	161
Nợ ngắn hạn	166	133	107	203	161
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	21.2	12.6	14.7	14.0
Nợ dài hạn	0.15	0.17	0.17	0.17	0.17
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	494	508	503	480	489
Vốn chủ sở hữu	494	508	503	480	489
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)